TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ VANG** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28 /2020/QĐST-HNGĐ	*Phú Vang, ngày 24 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 195/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Kim A, sinh năm: 1980

Địa chỉ: huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Ông Võ Văn C, sinh năm: 1981

Địa chỉ: huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 02 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Bùi Thị Kim A và ông Võ Văn C

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Bà Bùi Thị Kim A và ông Võ Văn C có 02 người con chung:

- Võ Công T, sinh ngày 22/02/2003
- Võ Ngọc Yến N, sinh ngày 10/5/2009

Hiện nay cả 02 cháu đang ở với bà A, ông C

Hai bên thỏa thuận giao cháu Võ Công T, sinh ngày 22/02/2003 cho bà Bùi Thị Kim A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành, đủ 18 tuổi; giao cháu Võ Ngọc Yến N, sinh ngày 10/5/2009 cho ông Võ Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà A và ông C không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Về án phí: Các đương sự chịu 150.000 đồng tiền án phí thuận tình ly hôn, bà A chịu 75.000 đồng, ông C chịu 75.000 đồng. Hai bên thỏa thuận bà A chịu 150.000 đồng tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Anh đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2013/006777 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang. Hoàn trả lại cho bà Bùi Thị Kim A số tiền chênh lệch 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Vang;
- UBND phường Phú Bình, thành phố Huế
(ĐK ngày 30/9/2002)
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Chi cục THADS Phú Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

NGUYỄN HƯƠNG LAN